

PHỤ LỤC
BẢNG TỔNG HỢP SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NỘI DUNG CƠ BẢN ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN.

(Theo Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và Nghị định số 155/2020/NĐ-CP của Chính Phủ ban hành ngày 31/12/2020)

STT	Điều khoản	Nội dung hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý / Lý do sửa đổi, bổ sung
1	Điểm e Khoản 1 Điều 1. Giải thích thuật ngữ	1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau: e. “Người điều hành doanh nghiệp” là Tổng Giám đốc Công ty;	1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau: e. "Người điều hành doanh nghiệp" là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng;	Bổ sung định nghĩa phù hợp với quy định tại Khoản 55 Điều 3 Nghị định 155/2020 và thực tế doanh nghiệp.
2	Khoản 1 Điều 3. Người đại diện pháp luật	1. Công ty có một (1) người đại diện theo pháp luật, Tổng Giám Đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty	1. Công ty có hai (2) người đại diện theo pháp luật, bao gồm: Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám Đốc Công ty.	Đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty, tuân thủ quy định tại Khoản 2 Điều 137 Luật doanh nghiệp 2020.
3	Khoản 2 Điều 3. Người đại diện pháp luật	2. Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện Pháp luật: Người đại diện theo pháp luật thực thi trách nhiệm, nghĩa vụ và quyền hạn theo quy định của luật doanh nghiệp, Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty và các quy định khác của Công ty và pháp luật.	2. Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện Pháp luật: Người đại diện theo pháp luật thực thi trách nhiệm, nghĩa vụ và quyền hạn theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty và các quy định khác của Công ty và pháp luật. Mỗi người đại diện theo pháp luật của công ty đều là đại	Bổ sung nội dung thẩm quyền theo cơ cấu công ty có 02 người đại diện pháp luật.

			diện đủ thẩm quyền của doanh nghiệp trước bên thứ ba.	
4	Khoản 1 Điều 14. Đại hội đồng cổ đông	1. ... Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.	1. ... Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.	Bổ sung trường hợp gia hạn họp ĐHĐCĐ thường niên đáp ứng quy định tại Khoản 2 Điều 139 Luật doanh nghiệp 2020.
5	Khoản 2 Điều 14. Đại hội đồng cổ đông	2. ... Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Công ty có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan.	2. ... Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối , Công ty sẽ mời đại diện công ty kiểm toán độc lập được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan.	Sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với Điểm c Khoản 2 Điều 41 Luật chứng khoán 2019; Khoản 4 Điều 273 Nghị định 155/2020.
6	Điểm b Khoản 3 Điều 14 Đại hội đồng cổ đông	3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau: b) Báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;	3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau: b) Báo cáo tài chính quý, báo cáo tài chính bán niên hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu suy giảm từ một nửa (1/2) trở lên so với số đầu kỳ;	Điều chỉnh cho chặt chẽ hơn.
7	Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội	<i>Điều lệ đang chưa có quyền và nghĩa vụ tổng thể của cơ quan ĐHĐCĐ</i>	1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau: a) Thông qua định hướng phát triển của công ty;	Quyền và Nghĩa vụ của ĐHĐCĐ theo quy định tại Khoản 2 Điều 138 Luật doanh nghiệp 2020.

	<p>đồng cổ đông</p>		<p>b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;</p> <p>c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán;</p> <p>d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;</p> <p>e) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;</p> <p>f) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;</p> <p>g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;</p> <p>h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán gây thiệt hại cho công ty và cổ đông công ty;</p> <p>i) Quyết định tổ chức lại, giải thể công ty;</p> <p>j) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán;</p> <p>k) Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán;</p> <p>l) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;</p>	
--	-------------------------	--	--	--

			m) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.	
8	Khoản 2 điều 15.	<p>1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:</p> <p>a) Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán,;</p> <p>b) Kế hoạch kinh doanh hàng năm của công ty;</p> <p>c) Báo cáo của Hội đồng quản trị;</p> <p>d) Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.</p>	<p>2. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau:</p> <p>a) Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;</p> <p>b) Kế hoạch kinh doanh hàng năm của công ty;</p> <p>c) Báo cáo của Hội đồng quản trị;</p> <p>d) Báo cáo của Ủy ban kiểm toán;</p> <p>e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;</p> <p>f) Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty;</p> <p>g) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.</p>	Bổ sung theo Khoản 3 Điều 139 Luật doanh nghiệp 2020.
9	Khoản 3 điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường có quyền thông qua quyết định bằng văn bản về các vấn đề sau.	3. Đại hội đồng cổ đông có quyền thông qua ng nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản về các vấn đề sau:	Sửa đổi, bổ sung phù hợp với quy định tại Điều 147 Luật doanh nghiệp 2020. Và tránh mâu thuẫn với Khoản 12 Điều 20 Điều lệ Công ty: “... Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. ”
10	Khoản 1 Điều 17. Thay đổi quyền	1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất	1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 75% quyền biểu	Sửa đổi theo quy định tại Khoản 6 Điều 148 Luật doanh nghiệp 2020.

		65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua.	quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua.	
11	Điểm a khoản 2 Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông	a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá (mười) 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông.	a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá (mười) 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông; Công ty công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;	Bổ sung theo Điều 273 Nghị định 155/2020 và Thông tư 96/2020
12	Điểm f Khoản 2 Điều 27. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị	f) Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;	f) Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, quy chế quản lý nội bộ , việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;	Bổ sung theo Điểm 1 khoản 2 Điều 153 Luật doanh nghiệp 2020 về thẩm quyền của HĐQT.
13	Điểm h Khoản 2 Điều 27. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị	h) Quyết định quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua hiệu quả để bảo vệ cổ đông.	h) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị , Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của công ty;	Bổ sung thẩm quyền theo quy định tại Điều lệ mẫu, Thông tư 116/2020/TT-BTC.

14	Điểm m khoản 2 điều 27. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị	m) Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;	m) Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu;	Phù hợp quy định tại Điều 153 Luật doanh nghiệp 2020.
15	Điểm n Khoản 2 Điều 27 Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị	n) Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị Công ty lên Đại hội đồng cổ đông;	n) Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;	Phù hợp với điểm n khoản 2 Điều 153 Luật doanh nghiệp 2020.
16	Điểm e, f, g Khoản 3 Điều 27 Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị	<p>a) Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;</p> <p>b) Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 10% vốn điều lệ của Công ty hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;</p> <p>c) Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;</p>	<p>a) Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty đáp ứng điểm c khoản này;</p> <p>b) Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 10% vốn điều lệ của Công ty hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm đáp ứng điểm c khoản này;</p> <p>c) Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài đáp ứng điểm c khoản này;</p>	Bổ sung tham chiếu để giới hạn phạm vi theo quy định: “c) Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều 153 Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 138 và khoản 1, khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng lớn của Công ty.”

17	Khoản 2 Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng Quản trị	2. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng Quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng Quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.	2. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng Quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng Quản trị là đại diện phần vốn góp phải được báo cáo tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.	Sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 3 Điều 163 Luật doanh nghiệp 2020 2020.
18	Khoản 3 điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị	3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị.	Bổ sung nội dung ủy quyền theo quy định tại Khoản 4 Điều 156 Luật doanh nghiệp 2020 2020.
19	Điểm b Khoản 9 Điều 30 Các cuộc	b) ... Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong	b) ... Các quyết định được thông qua trong cuộc họp trực tuyến nếu được tổ chức và tiến hành một cách hợp pháp, sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp, các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp có nghĩa vụ ký	Sửa đổi làm rõ hiệu lực và nghĩa vụ.

	họp của HĐQT	biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.	xác nhận vào biên bản trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc cuộc họp.	
20	Điều 34 Người điều hành Công ty	<i>Chưa có</i>	1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng.	Bổ sung Theo Luật doanh nghiệp 2020 và điều 34 THÔNG TƯ 116/2020/TT-BTC
21	Khoản 6 Điều 38 Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	6. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch tại điểm c khoản 5 Điều này có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất.	6. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch tại điểm c khoản 5 Điều này có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 10% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất.	Sửa đổi phù hợp với Khoản 2 và Khoản 3 Điều 167 Luật doanh nghiệp 2020.
22	Khoản 1 điều 46 Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý	1. ... Trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, Công ty phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và cơ quan đăng ký kinh doanh.	1. ... Trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, Công ty phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và cơ quan đăng ký kinh doanh.	Phù hợp với quy định về thời hạn báo cáo, công bố thông tin Báo cáo tài chính năm (Thông tư 96/2020/TT-BTC) và thời hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên (Luật doanh nghiệp 2020).
23	Khoản 3 Điều 48 Kiểm toán	3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được gửi đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.	3. Báo cáo kiểm toán hoặc bản sao hợp lệ của báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.	Sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

24	<p>Điểm a Khoản 1 Điều 50 Chấm dứt hoạt động</p>	<p>1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:</p> <p>a) Khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;</p>	<p>1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:</p> <p>a) Khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc khi kết thúc thời gian gia hạn hoạt động của Công ty;</p>	<p>Sửa đổi để rõ nghĩa hơn.</p>
----	--	--	--	---------------------------------